

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - HÀ NỘI**
Bản án số: **114/2025/KDTM-ST**
Ngày: 29/10/2025
V/v: *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Chiến

Ông Nguyễn Văn Toàn

Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Đình Phan Hưng - Thư ký TAND khu vực 4 – Hà Nội.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 13/2025/TLST-KDTM ngày 01 tháng 8 năm 2025, về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 358/2025/QĐXX-ST, ngày 27 tháng 9 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 333/2025/QĐHPT-ST, ngày 14 tháng 10 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Trụ sở: số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Tuấn A (*theo văn bản ủy quyền số 16 ngày 24/4/2025*) Người được ủy quyền lại ông Lê Vũ D1, ông Đoàn Văn H. Theo Giấy ủy quyền số 508/2025/UQN-VPB ngày 05/8/2025.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần D2

Trụ sở: BT1.C2 Khu đô thị M, phường Đ, Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn L-Chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn V1 trình bày:

a. Thông tin Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số: 110123-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 11/01/2023.

Công ty D2 vay vốn của V1 theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số: 110123-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 11/01/2023, cụ thể như sau:

- **Số tiền vay: 680,000,000 đồng (sáu trăm tám mươi triệu đồng).**
- **Thời hạn cho vay: 72 tháng**, tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Ngân Hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho khách hàng.
- **Mục đích sử dụng vốn:** Mua ô tô mới phục vụ mục đích đi lại theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số 22221858.

- Lãi suất cho vay trong hạn: được quy định trong (các) Khế ước nhận nợ ký giữa bên vay và bên Ngân hàng;
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn;
- Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Căn cứ Hợp đồng trên, V1 đã thực hiện giải ngân cho Công ty D2, cụ thể như sau:

➤ **Khế ước nhận nợ số: 110123-7641494-AUTO-1 ngày 11/01/2023.**

- + Số tiền nhận nợ: **680,000,000 đồng (Sáu trăm tám mươi triệu đồng).**
- + Ngày giải ngân: 11/01/2023.
- + Thời hạn cho vay: 72 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày 11/01/2023 đến ngày 11/01/2029.
- + Thời hạn trả nợ:
 - Trả nợ gốc: Khách hàng phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 10 (sau đây gọi là Kỳ trả nợ gốc), K trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 10/02/2023, tổng cộng gồm 72 kỳ. Số tiền nợ gốc mà Khách hàng phải trả mỗi kỳ là 9.444.444 VND (bằng chữ: Chín triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng), riêng kỳ cuối cùng trả 9.444.476 VND (bằng chữ: Chín triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm bảy mươi sáu đồng);
 - Trả nợ lãi: Khách hàng phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần, vào ngày 10 (sau đây gọi là Kỳ trả nợ lãi). Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 10/02/2023.
- + Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 12,5 %/năm, cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 11/01/2024. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng Lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng do Hội sở chính của Bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 72 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,00 %/năm (“Mức lãi suất cho vay điều chỉnh”).

b. Thông tin Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số: 140723-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 14/07/2023.

Công ty D2 vay vốn của V1 theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số: 140723-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 14/07/2023, cụ thể như sau:

- **Số tiền vay: 523,000,000 đồng (Năm trăm hai mươi ba triệu đồng).**
- **Thời hạn cho vay: 72 tháng**, tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Ngân Hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho khách hàng.

- **Mục đích sử dụng vốn:** Mua ô tô mới phục vụ mục đích đi lại theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số 22230806.
- Lãi suất cho vay trong hạn: được quy định trong (các) Khế ước nhận nợ ký giữa bên vay và bên Ngân hàng;
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn;
- Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Căn cứ Hợp đồng trên, V1 đã thực hiện giải ngân cho Công ty D2, cụ thể như sau:

➤ **Khế ước nhận nợ số: 140723-7641494-AUTO-1 ngày 14/07/2023.**

- + Số tiền nhận nợ: **523,000,000 đồng (Năm trăm hai mươi ba triệu đồng).**
- + Ngày giải ngân: 14/07/2023.
- + Thời hạn cho vay: 72 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày 14/07/2023 đến ngày 14/07/2029.
- + Thời hạn trả nợ:
 - Trả nợ gốc: Khách hàng phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 15 (sau đây gọi là Kỳ trả nợ gốc), K trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/08/2023, tổng cộng gồm 72 kỳ. Số tiền nợ gốc mà Khách hàng phải trả mỗi kỳ là 7.263.888 VND (bằng chữ: Bảy triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm tám mươi tám đồng), riêng kỳ cuối cùng trả 7.263.952 VND (bằng chữ: Bảy triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn chín trăm năm mươi hai đồng).
 - Trả nợ lãi: Khách hàng phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần, vào ngày 15 (sau đây gọi là Kỳ trả nợ lãi). Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/08/2023.
- + Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 11,3 %/năm, cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 14/07/2024. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng Lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng do Hội sở chính của Bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 72 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,00 %/năm (“Mức lãi suất cho vay điều chỉnh”).

c. **Thông tin Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số: 230823-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 24/08/2023.**

Công ty D2 vay vốn của V1 theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số: 230823-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 24/08/2023, cụ thể như sau:

- **Số tiền vay: 360,000,000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu đồng).**

- **Thời hạn cho vay: 72 tháng**, tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Ngân Hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho khách hàng.
- **Mục đích sử dụng vốn:** Mua ô tô mới phục vụ mục đích đi lại theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số 375/2023/HĐMB/KIAGP-CTCPD.
- Lãi suất cho vay trong hạn: được quy định trong (các) Khế ước nhận nợ ký giữa bên vay và bên Ngân hàng;
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn;
- Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Căn cứ Hợp đồng trên, V1 đã thực hiện giải ngân cho Công ty D2, cụ thể như sau:

➤ **Khế ước nhận nợ số: 230823-7641494-AUTO-1 ngày 24/08/2023.**

- + Số tiền nhận nợ: **360,000,000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu đồng).**
- + Ngày giải ngân: 24/08/2023.
- + Thời hạn cho vay: 72 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày 24/08/2023 đến ngày 24/08/2029.
- + Thời hạn trả nợ:
 - Trả nợ gốc: Khách hàng phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 15 (sau đây gọi là Kỳ trả nợ gốc), K trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/09/2023, tổng cộng gồm 72 kỳ. Số tiền nợ gốc mà Khách hàng phải trả mỗi kỳ là 5.000.000 VND (bằng chữ: Năm triệu đồng), riêng kỳ cuối cùng trả 5.000.000 VND (bằng chữ: Năm triệu đồng).
 - Trả nợ lãi: Khách hàng phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần, vào ngày 15 (sau đây gọi là Kỳ trả nợ lãi). Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/09/2023.
- + Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 10,5 %/năm, cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 24/08/2024. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng Lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng do Hội sở chính của Bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 72 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4 %/năm (“Mức lãi suất cho vay điều chỉnh”).

d. Thông tin Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số: 201222-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 20/12/2022.

Công ty D2 vay vốn của V1 theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số: 201222-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 20/12/2022, cụ thể như sau:

- **Số tiền vay: 942,000,000 đồng (Chín trăm bốn mươi hai triệu đồng).**

- **Thời hạn cho vay: 72 tháng**, tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Ngân Hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho khách hàng.
- **Mục đích sử dụng vốn:** Mua ô tô mới phục vụ mục đích đi lại theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số 04.2210240236/HĐMB.
- Lãi suất cho vay trong hạn: được quy định trong (các) Khế ước nhận nợ ký giữa bên vay và bên Ngân hàng;
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn;
- Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Căn cứ Hợp đồng trên, V1 đã thực hiện giải ngân cho Công ty D2, cụ thể như sau:

➤ **Khế ước nhận nợ số: 201222-7641494-AUTO-1 ngày 20/12/2022.**

- + Số tiền nhận nợ: **942,000,000 đồng (Chín trăm bốn mươi hai triệu đồng).**
 - + Ngày giải ngân: 20/12/2022.
 - + Thời hạn cho vay: 72 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày 20/12/2022 đến ngày 20/12/2028.
 - + Thời hạn trả nợ:
 - Trả nợ gốc: Khách hàng phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 15 (sau đây gọi là Kỳ trả nợ gốc), K trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/09/2023, tổng cộng gồm 72 kỳ. Số tiền nợ gốc mà Khách hàng phải trả mỗi kỳ là 5.000.000 VND (bằng chữ: Năm triệu đồng), riêng kỳ cuối cùng trả 5.000.000 VND (bằng chữ: Năm triệu đồng).
 - Trả nợ lãi: Khách hàng phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần, vào ngày 15 (sau đây gọi là Kỳ trả nợ lãi). Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/09/2023.
 - + Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 12,5 %/năm, cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 20/12/2023. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng Lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng do Hội sở chính của Bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 72 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4 %/năm (“Mức lãi suất cho vay điều chỉnh”).
- e. **Tài sản bảo đảm/biện pháp bảo đảm cho các khoản vay nêu trên:**
- **Tài sản bảo đảm:** 01 ô tô nhãn hiệu FORD, số loại TERRITORY JX6460PD6, biển kiểm soát: 30K-154.60, số khung RL05BYD7MNGR34642, số máy NBG098836 theo Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp ô tô số: 110123-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 11/01/2023 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

- **Tài sản bảo đảm:** 01 ô tô nhãn hiệu FORD, số loại RANGER, biển kiểm soát: 29K-031.14, số khung RL2UMFC50PYR52638, số máy P02SRPY52638 theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số: 140723-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 14/07/2023 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
- **Tài sản bảo đảm:** 01 ô tô nhãn hiệu KIA, số loại JAPE 1.2 AT-03, biển kiểm soát: 30K-480.00, số khung RNYTF51A4PC304725, số máy G4LANP200200 theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số: 230823-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 24/08/2023 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
- **Tài sản bảo đảm:** 01 ô tô nhãn hiệu SUBARU, số loại FORESTER 2.0I SES, biển kiểm soát: 30K-042.80, số khung MMRSK7LL5KT006591, số máy YT26503 theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số: 201222-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 20/12/2022 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

f. Quá trình thực hiện Hợp đồng:

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty D2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho V1, chậm thanh toán nợ kể từ ngày 10/02/2025. Mặc dù V1 đã nhiều lần gửi thông báo yêu cầu Công ty D2 thực hiện nghĩa vụ thanh toán, nhưng Công ty D2 vẫn không thực hiện, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của V1 nên V1 đã chuyển toàn bộ khoản nợ của Công ty D2 sang nợ quá hạn kể từ ngày 10/02/2025.

Yêu cầu Tòa án buộc Công ty D2 phải thanh toán cho V1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ nêu trên. Tạm tính đến ngày 30/10/2025 là: **1.971.690.148 đồng**, bao gồm: 1.735.498.661 đồng tiền nợ gốc, 226.353.589 đồng tiền nợ lãi trong hạn, 9.759.597 đồng tiền nợ lãi quá hạn.

Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ cho đến ngày Công ty D2 thực tế thanh toán hết nợ cho V1.

Yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án nội dung, trường hợp Công ty D2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho V1, V1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ cho V1 cụ thể:

- **Tài sản bảo đảm:** 01 ô tô nhãn hiệu FORD, số loại TERRITORY JX6460PD6, biển kiểm soát: 30K-154.60, số khung RL05BYD7MNGR34642, số máy NBG098836 theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số: 110123-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 11/01/2023 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
- **Tài sản bảo đảm:** 01 ô tô nhãn hiệu FORD, số loại RANGER, biển kiểm soát: 29K-031.14, số khung RL2UMFC50PYR52638, số máy P02SRPY52638 theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số: 140723-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 14/07/2023 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

- **Tài sản bảo đảm:** 01 ô tô nhãn hiệu KIA, số loại JAPE 1.2 AT-03, biển kiểm soát: 30K-480.00, số khung RNYTF51A4PC304725, số máy G4LANP200200 theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số: 230823-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 24/08/2023 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
- **Tài sản bảo đảm:** 01 ô tô nhãn hiệu SUBARU, số loại FORESTER 2.0I SES, biển kiểm soát: 30K-042.80, số khung MMRSK7LL5KT006591, số máy YT26503 theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số: 201222-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 20/12/2022 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

V1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty D2 để thu hồi khoản nợ cho V1.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt không lý do, không có Bản khai nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 phát biểu:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

*** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:**

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ đến trước khi mở phiên tòa thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thụ lý vụ án: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định đúng thẩm quyền giải quyết và đã xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự.

- Về thẩm quyền thụ lý: Trụ sở của Bị đơn có địa chỉ là BT1.C2, Khu đô thị M, phường Đ, thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 theo quy định tại Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thu thập chứng cứ, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và thời hạn chuẩn bị xét xử:

- Về thu thập chứng cứ: Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ lấy lời khai đương sự, xác minh theo quy định tại Điều 97 BLTTDS.

- Về tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 205, 208-211 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Ngày 01/8/2025, Tòa án thụ lý vụ án. Ngày 27/9/2025, TA ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử XX (không gia hạn CBXX) là đúng thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thứ ba: Về cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, về chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát:

- Thủ tục nhận và xử lý đơn khởi kiện: đảm bảo theo quy định tại khoản 3

Điều 191 BLTTDS

- Việc thông báo thụ lý: Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án cho đương sự và VKS đúng quy định tại khoản 1 Điều 196 BLTTDS.

- Thông báo về phiên hoà giải: Tòa án thông báo cho các đương sự đúng quy định tại Điều 208 BLTTDS.

- Về việc tổng đạt QĐ đưa vụ án ra xét xử: Tòa án tổng đạt cho đương sự, VKS đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 BLTTDS.

- Về việc Tòa án chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát: Tòa án chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 BLTTDS.

2. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử, thư ký toà án đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án;

3. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 68, 69, 70, 71 BLTTDS.

- Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 68, 69, 70, 72 BLTTDS.

Quan điểm về nội dung vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, ;

Căn cứ Điều 351, 357 và 468 ; Căn cứ Điều 91; Điều 95; Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V. Buộc Công ty cổ phần D2 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền gốc là 1.735.498.661 đồng và thanh toán số tiền lãi tính đến ngày xét xử gồm lãi trong hạn là 226.353.589 và lãi quá hạn 9.759.597 đồng, tổng số tiền là 1.971.690.148 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, Công ty cổ phần D2 còn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký kết.

Trường hợp Công ty cổ phần D2 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh theo bản án của Tòa án thì Ngân hàng có quyền yêu

cầu cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là: 01 ô tô nhãn hiệu FORD, biển kiểm soát: 30K-154.60; 01 ô tô nhãn hiệu FORD, biển kiểm soát: 29K-031.14; 01 ô tô nhãn hiệu KIA, biển kiểm soát: 30K-480.00; 01 ô tô nhãn hiệu SUBARU, biển kiểm soát: 30K-042.80 thuộc sở hữu của Công ty cổ phần D2 theo quy định pháp luật.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty cổ phần D2 đối với Ngân hàng TMCP V. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ Công ty cổ phần D2 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Về án phí: Áp dụng Điều 143, 147 BLTTDS: Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán án phí sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn trong vụ án, Công ty D2 có trụ sở theo Giấy đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ: BT1.C2 khu đô thị M, phường Đ, thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hà Nội theo quy định tại Điều 30, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tòa án đã tiến hành các thủ tục đảm bảo quyền lợi cho các đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét luật nội dung áp dụng giải quyết vụ án:

Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần D2 cùng ký kết 04 Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp gồm:

- Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp số 201222-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 20/12/2022; Khế ước nhận nợ số 201222-7641494-AUTO-1 ký ngày 20/12/2022;

- Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp số 110123-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 11/01/2023; Khế ước nhận nợ số 110123-7641494-AUTO-1 ký ngày 11/01/2023.

- Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp số 140723-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 14/7/2023; Khế ước nhận nợ số 140723-7641494-AUTO-1 ký ngày 14/7/2023.

- Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp số 230823-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 24/8/2023; Khế ước nhận nợ số 230823-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 24/8/2023.

Các Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp, Khế ước nhận nợ được hai bên ký kết vào năm 2023, Do vậy HĐXX căn cứ Bộ luật năm 2015 để giải quyết.

3. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

Theo các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án.

Hai bên cùng nhau ký kết 04 Hợp đồng cho vay và 04 Khế ước nhận nợ.

Cụ thể như sau:

Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số: 110123-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 11/01/2023.

Số tiền vay: 680,000,000 đồng (sáu trăm tám mươi triệu đồng).

Thời hạn cho vay: 72 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Ngân Hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho khách hàng.

Mục đích sử dụng vốn: Mua ô tô mới phục vụ mục đích đi lại theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số 22221858.

Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn;

Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Căn cứ Hợp đồng trên, V1 đã thực hiện giải ngân cho Công ty D2, cụ thể như sau:

Khế ước nhận nợ số: 110123-7641494-AUTO-1 ngày 11/01/2023.

- + Số tiền nhận nợ: **680,000,000 đồng (Sáu trăm tám mươi triệu đồng).**
- + Ngày giải ngân: 11/01/2023.
- + Thời hạn cho vay: 72 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày 11/01/2023 đến ngày 11/01/2029.
- + Thời hạn trả nợ:

Trả nợ gốc: Khách hàng phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 10 (sau đây gọi là Kỳ trả nợ gốc), K trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 10/02/2023, tổng cộng gồm 72 kỳ. Số tiền nợ gốc mà Khách hàng phải trả mỗi kỳ là 9.444.444 VND (bằng chữ: Chín triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng), riêng kỳ cuối cùng trả 9.444.476 VND (bằng chữ: Chín triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm bảy mươi sáu đồng);

Trả nợ lãi: Khách hàng phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần, vào ngày 10 (sau đây gọi là Kỳ trả nợ lãi). Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 10/02/2023.

- + Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 12,5 %/năm, cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 11/01/2024. Mức điều chỉnh lãi suất

được xác định bằng Lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng do Hội sở chính của Bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 72 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,00 %/năm (“Mức lãi suất cho vay điều chỉnh”).

Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp ô tô số: 140723-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 14/07/2023.

- Số tiền vay: **523,000,000 đồng** (Năm trăm hai mươi ba triệu đồng).
- Thời hạn cho vay: 72 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Ngân Hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho khách hàng.
- Mục đích sử dụng vốn: Mua ô tô mới phục vụ mục đích đi lại theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số 22230806.
- Lãi suất cho vay trong hạn: được quy định trong (các) Khế ước nhận nợ ký giữa bên vay và bên Ngân hàng;
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn;
- Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Căn cứ Hợp đồng trên, V1 đã thực hiện giải ngân cho Công ty D2, cụ thể như sau:

Khế ước nhận nợ số: 140723-7641494-AUTO-1 ngày 14/07/2023.

- + Số tiền nhận nợ: **523,000,000 đồng** (Năm trăm hai mươi ba triệu đồng).
- + Ngày giải ngân: 14/07/2023.
- + Thời hạn cho vay: 72 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày 14/07/2023 đến ngày 14/07/2029.
- + Thời hạn trả nợ:

Trả nợ gốc: Khách hàng phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 15 (sau đây gọi là Kỳ trả nợ gốc), K trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/08/2023, tổng cộng gồm 72 kỳ. Số tiền nợ gốc mà Khách hàng phải trả mỗi kỳ là 7.263.888 VND (bằng chữ: Bảy triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm tám mươi tám đồng), riêng kỳ cuối cùng trả 7.263.952 VND (bằng chữ: Bảy triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn chín trăm năm mươi hai đồng).

Trả nợ lãi: Khách hàng phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần, vào ngày 15 (sau đây gọi là Kỳ trả nợ lãi). Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/08/2023.

- + Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 11,3 %/năm, cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 14/07/2024. Mức điều chỉnh lãi suất

được xác định bằng Lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng do Hội sở chính của Bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 72 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,00 %/năm (“Mức lãi suất cho vay điều chỉnh”).

Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp ô tô số: 230823-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 24/08/2023.

Công ty D2 vay vốn của V1 theo Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp ô tô số: 230823-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 24/08/2023, cụ thể như sau:

- Số tiền vay: **360,000,000 đồng** (Ba trăm sáu mươi triệu đồng).
- Thời hạn cho vay: 72 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Ngân Hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho khách hàng.
- Mục đích sử dụng vốn: Mua ô tô mới phục vụ mục đích đi lại theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số 375/2023/HĐMB/KIAGP-CTCPD.
- Lãi suất cho vay trong hạn: được quy định trong (các) Khế ước nhận nợ ký giữa bên vay và bên Ngân hàng;
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn;
- Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Căn cứ Hợp đồng trên, V1 đã thực hiện giải ngân cho Công ty D2, cụ thể như sau:

Khế ước nhận nợ số: 230823-7641494-AUTO-1 ngày 24/08/2023.

- + Số tiền nhận nợ: **360,000,000 đồng** (Ba trăm sáu mươi triệu đồng).
- + Ngày giải ngân: 24/08/2023.
- + Thời hạn cho vay: 72 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày 24/08/2023 đến ngày 24/08/2029.
- + Thời hạn trả nợ:

Trả nợ gốc: Khách hàng phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 15 (sau đây gọi là Kỳ trả nợ gốc), K trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/09/2023, tổng cộng gồm 72 kỳ. Số tiền nợ gốc mà Khách hàng phải trả mỗi kỳ là 5.000.000 VND (bằng chữ: Năm triệu đồng), riêng kỳ cuối cùng trả 5.000.000 VND (bằng chữ: Năm triệu đồng).

Trả nợ lãi: Khách hàng phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần, vào ngày 15 (sau đây gọi là Kỳ trả nợ lãi). Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/09/2023.

- + Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 10,5 %/năm, cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 24/08/2024. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng Lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng do Hội sở

chính của Bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 72 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4 %/năm (“Mức lãi suất cho vay điều chỉnh”).

Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số: 201222-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 20/12/2022.

Công ty D2 vay vốn của V1 theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số: 201222-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 20/12/2022, cụ thể như sau:

- Số tiền vay: **942,000,000 đồng** (Chín trăm bốn mươi hai triệu đồng).
- Thời hạn cho vay: 72 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Ngân Hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho khách hàng.
- Mục đích sử dụng vốn: Mua ô tô mới phục vụ mục đích đi lại theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số 04.2210240236/HĐMB.
- Lãi suất cho vay trong hạn: được quy định trong (các) Khế ước nhận nợ ký giữa bên vay và bên Ngân hàng;
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn;
- Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Căn cứ Hợp đồng trên, V1 đã thực hiện giải ngân cho Công ty D2, cụ thể như sau:

Khế ước nhận nợ số: 201222-7641494-AUTO-1 ngày 20/12/2022.

- + Số tiền nhận nợ: **942,000,000 đồng** (Chín trăm bốn mươi hai triệu đồng).
- + Ngày giải ngân: 20/12/2022.
- + Thời hạn cho vay: 72 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày 20/12/2022 đến ngày 20/12/2028.
- + Thời hạn trả nợ:

Trả nợ gốc: Khách hàng phải trả nợ gốc cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 15 (sau đây gọi là Kỳ trả nợ gốc), K trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/09/2023, tổng cộng gồm 72 kỳ. Số tiền nợ gốc mà Khách hàng phải trả mỗi kỳ là 5.000.000 VND (bằng chữ: Năm triệu đồng), riêng kỳ cuối cùng trả 5.000.000 VND (bằng chữ: Năm triệu đồng).

Trả nợ lãi: Khách hàng phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 1 tháng/lần, vào ngày 15 (sau đây gọi là Kỳ trả nợ lãi). Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 15/09/2023.

- + Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 12,5 %/năm, cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 20/12/2023. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng Lãi suất bán vốn của Bên Ngân hàng do Hội sở

chính của Bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 72 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4 %/năm (“Mức lãi suất cho vay điều chỉnh”).

2.1. Về yêu cầu buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi theo 04 Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp ô tô và Khế ước nhận nợ, xử lý tài sản bảo đảm, gồm:

- Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp số 201222-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 20/12/2022; Khế ước nhận nợ số 201222-7641494-AUTO-1 ký ngày 20/12/2022;

- Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp số 110123-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 11/01/2023; Khế ước nhận nợ số 110123-7641494-AUTO-1 ký ngày 11/01/2023.

- Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp số 140723-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 14/7/2023; Khế ước nhận nợ số 140723-7641494-AUTO-1 ký ngày 14/7/2023.

- Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp số 230823-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 24/8/2023; Khế ước nhận nợ số 230823-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 24/8/2023.

Các Hợp đồng cho vay phù hợp với quy định của ; , quy chế cho vay. Do đó, xác định là các hợp đồng là hợp pháp, các bên có nghĩa vụ thực hiện.

- Về việc yêu cầu bị đơn thanh toán tiền gốc và lãi theo hợp đồng cho vay:

Căn cứ theo các Hợp đồng cho vay kèm Hợp đồng thế chấp ô tô hai bên đã ký, các thỏa thuận lãi trong hợp đồng của các bên là tự nguyện, phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng, quy chế cho vay. Nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn đầy đủ theo 04 Hợp đồng đã ký kết. Phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, lỗi là do phía bị đơn.

Qua xem xét thấy quan hệ tranh chấp giữa V1 và bị đơn là Tranh chấp Hợp đồng tín dụng nên cần áp dụng các quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn liên quan để giải quyết tranh chấp này.

Theo quy định tại khoản 2, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định về lãi suất thì các tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Tại Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao có quy định: Lãi, lãi suất trong Hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và văn bản quy định pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật các tổ chức tín dụng khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng thì Tòa án áp dụng quy định của Luật các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật dân sự 2005 và 2015 để xác định lãi suất.

Như vậy, thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng tín dụng về lãi suất là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật về áp dụng lãi suất cho vay và V1 thực hiện đúng hợp đồng, theo từng giai đoạn điều chỉnh lãi suất của bên cho vay và phù hợp với quy định về áp dụng mức lãi suất của Ngân hàng N tại thời điểm

điều chỉnh. Với các phân tích trên, thấy trong vụ án này cần áp dụng các quy định về lãi suất theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật các tổ chức tín dụng để giải quyết.

Do vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về thanh toán nợ gốc, nợ lãi của Ngân hàng. Buộc Công ty D2 phải thanh toán trả Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/10/2025 là **1.971.690.148 đồng**, trong đó bao gồm: 1.735.498.661 đồng tiền nợ gốc; 226.353.589 đồng nợ lãi trong hạn, 9.759.597 đồng lãi quá hạn.

- Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm:

Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số: 110123-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 11/01/2023, Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số: 140723-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 14/07/2023, Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số: 230823-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 24/08/2023, Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số: 201222-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 20/12/2022 giữa Công ty D2 và V1 để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng. Đã được đăng ký giao dịch bảo đảm/hợp đồng theo phiếu yêu cầu thông báo về việc thế chấp.

Tài sản bảo đảm là:

-01 ô tô nhãn hiệu FORD, số loại TERRITORY JX6460PD6, biển kiểm soát: 30K-154.60, số khung RL05BYD7MNGR34642, số máy NBG098836 theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số: 110123-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 11/01/2023.

-01 ô tô nhãn hiệu FORD, số loại RANGER, biển kiểm soát: 29K-031.14, số khung RL2UMFC50PYR52638, số máy P02SRPY52638 theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số: 140723-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 14/07/2023

- 01 ô tô nhãn hiệu KIA, số loại JAPE 1.2 AT-03, biển kiểm soát: 30K-480.00, số khung RNYTF51A4PC304725, số máy G4LANP200200 theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số: 230823-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 24/08/2023

-01 ô tô nhãn hiệu SUBARU, số loại FORESTER 2.0I SES, biển kiểm soát: 30K-042.80, số khung MMRSK7LL5KT006591, số máy YT26503 theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số: 201222-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 20/12/2022.

Do vậy, trong trường hợp Công ty D2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ, thì V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm theo ngày 22.02.2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của ngày 29.12.2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29.12.2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

2.3. Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm với số tiền phải thanh toán cho ngân hàng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, 227 và Điều 228 ;

Điều 117, 118, 119, 292, 298, 299, 335, 336, 339, 340, 342, 351, 357 và 468 ;

Điều 91; Điều 95; Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với Công ty cổ phần D2.

1.1. Công ty Cổ phần D2 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tính đến ngày xét xử 29/10/2025 theo các Hợp đồng kiêm Hợp đồng thế chấp và Khế ước nhận nợ sau:

- Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp số 201222-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 20/12/2022; Khế ước nhận nợ số 201222-7641494-AUTO-1 ký ngày 20/12/2022;

- Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp số 110123-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 11/01/2023; Khế ước nhận nợ số 110123-7641494-AUTO-1 ký ngày 11/01/2023.

- Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp số 140723-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 14/7/2023; Khế ước nhận nợ số 140723-7641494-AUTO-1 ký ngày 14/7/2023.

- Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp số 230823-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 24/8/2023; Khế ước nhận nợ số 230823-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 24/8/2023.

Tổng số tiền là: 1.971.690.148 đồng trong đó bao gồm: 1.735.498.661 đồng tiền nợ gốc; 226.353.589 đồng nợ lãi trong hạn; 9.759.597 đồng lãi quá hạn.

2. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, Công ty Cổ phần D2 còn phải tiếp tục chịu tiền lãi, phí phát sinh theo lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký kết.

3. Trường hợp Công ty Cổ phần D2 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh theo bản án của Tòa án thì V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là:

- 01 ô tô nhãn hiệu FORD, số loại TERRITORY JX6460PD6, biển kiểm soát: 30K-154.60, số khung RL05BYD7MNGR34642, số máy NBG098836 theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số: 110123-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 11/01/2023

-01 ô tô nhãn hiệu FORD, số loại RANGER, biển kiểm soát: 29K-031.14, số khung RL2UMFC50PYR52638, số máy P02SRPY52638 theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số: 140723-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 14/07/2023

- 01 ô tô nhãn hiệu KIA, số loại JAPE 1.2 AT-03, biển kiểm soát: 30K-480.00, số khung RNYTF51A4PC304725, số máy G4LANP200200 theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số: 230823-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 24/08/2023

-01 ô tô nhãn hiệu SUBARU, số loại FORESTER 2.0I SES, biển kiểm soát: 30K-042.80, số khung MMRSK7LL5KT006591, số máy YT26503 theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp ô tô số: 201222-7641494-AUTO-1/HĐ ngày 20/12/2022.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty D2 đối với V1. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ Công ty D2 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho V1.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 .

7. Về án phí:

7.1. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 71.150.704 đồng

7.2. Hoàn trả V1 số tiền 33.429.470 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002911 ngày 01/8/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Hà Nội.

8. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 4 – Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 4 – Hà Nội;
- TAND, VKSND TP. Hà Nội;
- Lưu hồ sơ, Văn thư.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Hương